

TRIỆU THỊ HUỆ

PHÂN LOẠI
VÀ HƯỚNG DẪN
GIẢI ĐỀ THI
ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG
MÔN NGỮ VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRIỆU THỊ HUỆ

PHÂN LOẠI
VÀ HƯỚNG DẪN
GIẢI ĐỀ THI
ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG
MÔN NGỮ VĂN

(Tái bản lần thứ ba, có chỉnh lí, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Để tạo điều kiện cho các em học sinh lớp 12 chuẩn bị tốt cho kì thi tuyển sinh vào các trường Đại học và Cao đẳng, Công ti cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam kết hợp với nhóm tác giả là giáo viên giàu kinh nghiệm, đa số đang giảng dạy tại Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, TP. Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn bộ sách **Phân loại và hướng dẫn giải đề thi Đại học – Cao đẳng**. Bộ sách gồm 8 môn : Toán, Lí, Hoá, Sinh, Văn, Sử, Địa và Tiếng Anh.

Cuốn sách PHÂN LOẠI VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG MÔN NGỮ VĂN được biên soạn với mục đích cung cấp tài liệu tham khảo cho giáo viên, học sinh, đặc biệt là học sinh đang ôn luyện chuẩn bị thi vào các trường Đại học và Cao đẳng.

Nội dung sách gồm ba phần :

PHẦN MỘT: Giới thiệu cấu trúc đề thi tuyển sinh Đại học – Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN HAI : Phân loại và hướng dẫn giải đề thi đại học. Trên cơ sở bám sát cấu trúc đề thi mới được ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chúng tôi phân loại và hướng dẫn cụ thể về phương pháp làm bài đối với từng dạng thức đề thi. Ở mỗi đề mục, sau phần lưu ý và hướng dẫn về cách thức làm bài, chúng tôi đều có minh hoạ bằng các ví dụ cụ thể.

PHẦN BA : Phần này giới thiệu đề thi – đáp án đã được sử dụng chính thức một số năm gần đây ; giới thiệu một số đề tham khảo – đáp án được soạn theo cấu trúc đề thi mới nhất

(năm 2010) của Bộ Giáo dục và Đào tạo ; một số bài làm của học sinh.

Nhằm định hướng và giúp học sinh tiếp cận với các dạng đề thi tuyển sinh Đại học – Cao đẳng, trong quá trình biên soạn, chúng tôi có sử dụng một số đề thi, đáp án của các kì thi tuyển sinh Đại học và Cao đẳng từ năm 2002 đến 2013, các kì thi học sinh giỏi, Olympic khu vực phía Nam.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ giúp ích được các em học sinh, góp phần cho việc ôn tập của các em có hiệu quả và đúng hướng.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp, xây dựng của đồng nghiệp, của các em học sinh để cuốn sách được hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản sau.

Người biên soạn

TRIỆU THỊ HUỆ

Phần một

GIỚI THIỆU CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. GIỚI THIỆU CẤU TRÚC ĐỀ THI

I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5 ĐIỂM)

Câu I (2,0 điểm) : Tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam.

– Khái quát Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945

– *Hai đứa trẻ* – Thạch Lam.

– *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân.

– *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*) – Vũ Trọng Phụng

– *Chí Phèo* (trích) và tác giả Nam Cao.

– *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng

– *Vội vàng* – Xuân Diệu

– *Đây thôn Vĩ Dạ* – Hàn Mặc Tử

– *Tràng Giang* – Huy Cận

– *Chiều tối* – Hồ Chí Minh

– *Từ ấy* – Tố Hữu

– *Một thời đại trong thi ca* (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân

– Khái quát Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX

– *Tuyên ngôn Độc lập* và tác giả Hồ Chí Minh

– *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng

– *Việt Bắc* (trích) và tác giả Tố Hữu

- Đất nước (trích *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- Sóng – Xuân Quỳnh
- Đàn ghi-ta của Lor-ca – Thanh Thảo
- Người lái đò Sông Đà (trích) – Nguyễn Tuân
- Ai đã đặt tên cho dòng sông ? (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- Vợ chồng A Phủ (trích) – Tô Hoài
- Vợ nhặt (trích) – Kim Lân
- Rừng xà nu (trích) – Nguyễn Trung Thành
- Những đứa con trong gia đình (trích) – Nguyễn Thi
- Chiếc thuyền ngoài xa (trích) – Nguyễn Minh Châu
- Hồn Trương Ba, da hàng thịt (trích) – Lưu Quang Vũ.

Câu II (3,0 điểm) : Vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội ngắn (khoảng 600 từ).

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống

II. PHẦN RIÊNG (5 ĐIỂM)

Vận dụng khả năng đọc – hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học (*Thí sinh chỉ được làm một trong hai câu (câu III.a hoặc III.b).*)

Câu III.a. Theo chương trình Chuẩn (5,0 điểm)

- Hai đứa trẻ – Thạch Lam
- Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân
- Hạnh phúc của một tang gia (trích *Số đỏ*) – Vũ Trọng Phụng
- Chí Phèo (trích) và tác giả Nam Cao
- Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng
- Vội vàng – Xuân Diệu
- Đây thôn Vĩ Dạ – Hàn Mặc Tử
- Tràng Giang – Huy Cận
- Chiều tối – Hồ Chí Minh
- Từ ấy – Tố Hữu

- *Một thời đại trong thi ca* (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân.
- *Tuyên ngôn Độc lập* và tác giả Hồ Chí Minh.
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng.

- *Tây Tiến* (Quang Dũng)
- *Việt Bắc* (trích) và tác giả Tố Hữu
- *Đất nước* (trích *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Đàn ghi-ta của Lor-ca* – Thanh Thảo.
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân.
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân
- *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành
- *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi
- *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ.

Câu III.b (theo chương trình Nâng cao)

- *Hai đứa trẻ* – Thạch Lam
- *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân
- *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*) – Vũ Trọng Phụng
- *Chí Phèo* (trích) – Nam Cao
- *Đời thừa* (trích) – Nam Cao
- Nam Cao
- *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng
- *Vội vàng* – Xuân Diệu
- Xuân Diệu
- *Đây thôn Vĩ Dạ* – Hàn Mặc Tử
- *Tràng Giang* – Huy Cận
- *Tương tư* – Nguyễn Bính

- *Nhật kí trong tù* – Hồ Chí Minh
- *Chiều tối* – Hồ Chí Minh
- *Lai Tân* – Hồ Chí Minh
- *Từ ấy* – Tố Hữu
- *Một thời đại trong thi ca* (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân
- *Tuyên ngôn Độc lập* và tác giả Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng
- *Tây Tiến* (Quang Dũng)
- *Việt Bắc* (trích) – Tố Hữu
- Tố Hữu
- *Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên
- *Đất nước* (trích *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Đàn ghi-ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- Nguyễn Tuân
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Vợ nhặt* (trích) – Kim Lân
- *Rừng xà nu* (trích) – Nguyễn Trung Thành
- *Một người Hà Nội* (trích) – Nguyễn Khải
- *Chiếc thuyền ngoài xa* (trích) – Nguyễn Minh Châu

B. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC ĐỀ THI

Đây là cấu trúc đề thi đại học – cao đẳng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành từ năm 2010 và được áp dụng cho tới nay.

Cấu trúc đề thi có hai phần :

1. Phần chung (5.0 điểm) được chia thành hai câu :

– **Câu I (2.0 điểm) :** Yêu cầu học sinh (HS) tái hiện kiến thức về giai đoạn, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam.

– **Câu II (3.0 điểm) :** Yêu cầu HS vận dụng kiến thức xã hội và đời sống để viết bài nghị luận xã hội ngắn (khoảng 600 từ).

+ Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

+ Nghị luận về một hiện tượng đời sống.

2. Phần riêng (5.0 điểm) : Yêu cầu HS vận dụng khả năng đọc – hiểu và kiến thức văn học để viết bài nghị luận văn học (lưu ý thí sinh chỉ được làm một trong hai câu : câu III.a hoặc câu III.b).

– **Câu III.a :** dành cho chương trình Chuẩn.

– **Câu III.b :** dành cho chương trình Nâng cao.

Theo cấu trúc đề thi nói trên, thí sinh cần lưu ý :

– Các bài đọc thêm (ở cả hai chương trình Chuẩn và Nâng cao), các bài Tiếng Việt, các bài văn học nước ngoài không có trong chương trình thi.

– Ở phần riêng dành cho chương trình Nâng cao có thêm một số đơn vị kiến thức so với chương trình Chuẩn (như một số các bài về tác gia, về tác phẩm).

C. PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP VÀ LUYỆN THI

1. Bám sát cấu trúc đề thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành vì cấu trúc đề thi không chỉ thể hiện dạng thức đề thi mà còn thể hiện phạm vi kiến thức cần ôn tập.

2. Nắm chắc kiến thức cơ bản.

3. Chú ý kĩ năng làm bài và phương pháp ôn tập.

– Với cách ra đề có sự kết hợp cao giữa yêu cầu tái hiện và vận dụng kiến thức như hiện nay, đối với câu hỏi tái hiện kiến thức, HS không nên chỉ tập trung học các bài văn học sử (khái quát giai đoạn văn học, tác gia văn học) mà còn phải chú ý vào những kiến thức thuộc tác phẩm văn học cụ thể.

– Với câu nghị luận xã hội, cần đáp ứng được các yêu cầu chính : giải thích, bàn luận, rút ra bài học nhận thức – hành động (với nghị luận xã hội về tư tưởng, đạo lí); miêu tả hiện tượng, bàn luận về hiện tượng, rút ra bài học nhận thức – hành động (với nghị luận xã hội về hiện tượng đời sống). Khi làm bài nghị luận xã hội, HS có thể sử dụng dẫn chứng văn học nhưng nên ưu tiên sử dụng dẫn chứng thực tế đời sống.

– Với câu nghị luận văn học, cần chủ động rèn các dạng đề khác nhau. Với mỗi bài thi, cần thể hiện được lập luận chặt chẽ qua hệ thống luận điểm hợp lí, tránh trình bày chung chung...

Một cách học và ôn tập hiệu quả là tập phân loại các dạng câu hỏi, các dạng đề bài rồi hình dung cách trình bày, cách làm bài. Việc quan sát các đề thi, đáp án chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua mỗi kì thi cũng có tác dụng tốt để tích lũy kiến thức và kinh nghiệm khi làm bài thi.

Phần hai

PHÂN LOẠI VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG

A. PHÂN LOẠI VÀ HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI YÊU CẦU TÁI HIỆN KIẾN THỨC

Một số lưu ý chung :

– Câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam thuộc phần chung trong cấu trúc đề thi, vì vậy, cần chú ý đến những nội dung, đơn vị kiến thức giao nhau giữa hai chương trình Chuẩn và Nâng cao.

– Có thể hình dung các dạng câu hỏi tái hiện kiến thức cụ thể như sau :

- + Câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học.
- + Câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về tác giả văn học.
- + Câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về tác phẩm văn học.

I. CÂU HỎI TÁI HIỆN KIẾN THỨC VỀ GIAI ĐOẠN VĂN HỌC

1. Những lưu ý về phương pháp làm bài

– Cấu trúc đề thi tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định học sinh ôn tập hai bài khái quát về giai đoạn văn học : Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 (thuộc chương trình lớp 11) ; Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX (thuộc chương trình lớp 12). HS cần chú ý đến phần kiến thức giao nhau giữa hai chương trình Chuẩn và Nâng cao để ôn tập có hiệu quả.

– Để trả lời được những câu hỏi tái hiện kiến thức văn học sử về giai đoạn văn học, HS cần bao quát được những đặc điểm chung của văn học mỗi giai đoạn nói trên – vốn được coi là những đặc điểm làm nên diện mạo của văn học giai đoạn ấy. Trong mỗi đặc điểm chung, lại phải nắm chắc những biểu hiện cụ thể cũng như lí giải được nguyên nhân hình thành chúng.

2. Gợi ý trả lời câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học

Ví dụ 1

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hoá phức tạp như thế nào ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự phân hoá phức tạp đó ?

Gợi ý trả lời

– Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hoá phức tạp thành nhiều xu hướng :

+ Bộ phận văn học phát triển hợp pháp : Bao gồm trào lưu lãng mạn và hiện thực.

+ Bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp (văn thơ cách mạng thường lưu hành bí mật trong tù) và nửa hợp pháp (văn thơ Đông Kinh nghĩa thực và văn thơ cách mạng thời kì dân chủ 1936 – 1939).

– Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá phức tạp này :

+ Do sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ của người cầm bút.

+ Do sự khác nhau về tư tưởng hay về thái độ chính trị (trực tiếp hay không trực tiếp chống Pháp) của người cầm bút.

Ví dụ 2

Trình bày những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Gợi ý trả lời

Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 :

– Nền văn học được hiện đại hoá : Nền văn học phát triển theo hướng hiện đại, thoát khỏi hệ thống thi pháp của văn học trung đại (tính phi ngã, sùng cổ, sử dụng nhiều ước lệ, tính quy phạm chặt chẽ), đổi mới theo hình thức văn học phương Tây.

– Nhịp độ phát triển đặc biệt mau lẹ : Số lượng, chất lượng, phong cách tác giả phát triển nhanh chóng : “Ở nước ta, một năm có thể kể như 30 năm của người” (Vũ Ngọc Phan). Sự phát triển đặc biệt mau lẹ này có nguyên nhân từ sự thúc bách của yêu cầu thời đại, tiềm lực to lớn của văn học dân tộc và của tầng lớp trí thức tây học ...

– Sự phân hoá thành nhiều xu hướng : Do sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mỹ, về thái độ chính trị của người cầm bút, văn học thời kì này chia thành nhiều xu hướng, trào lưu. Các xu hướng chính : Văn học phát triển hợp pháp (không bị thực dân Pháp cấm đoán, tuy có tính dân tộc nhưng chưa có được ý thức cách mạng và tinh thần trực tiếp chống đối thực dân ; có những đóng góp quan trọng trong quá trình hiện đại hoá, bao gồm các trào lưu lãng mạn và hiện thực) ; bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp (văn thơ cách mạng thường lưu hành bí mật trong tù) và nửa hợp pháp (văn thơ Đông Kinh nghĩa thực và văn thơ cách mạng thời kì dân chủ 1936 – 1939).

Ví dụ 3

Một trong những đặc điểm cơ bản của nền văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 là chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

Anh/chị hãy nêu những nét chính của đặc điểm trên.

(Trích đề thi tuyển sinh đại học khối D năm 2009)

Gợi ý trả lời

– Khuynh hướng sử thi :

+ Văn học phản ánh những sự kiện, những vấn đề có ý nghĩa lịch sử lớn lao, tập trung thể hiện chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng.

+ Nhân vật chính thường là những con người tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, kết tinh các phẩm chất cao quý của cộng đồng, gắn bó số phận mình với số phận của đất nước.

+ Lời văn mang giọng điệu trang trọng, hào hùng, thiên về ngợi ca, ngưỡng mộ.

– Cảm hứng lãng mạn :

Cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc. Cảm hứng lãng mạn gắn liền với khuynh hướng sử thi.

(Trích đáp án đề thi tuyển sinh đại học khối D năm 2009)

Ví dụ 4

Trình bày ngắn gọn những đặc điểm chính của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975.

Gợi ý trả lời

Những đặc điểm chính của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 :

– Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của dân tộc, là tấm gương phản chiếu những vấn đề trọng đại nhất của đất nước, tập trung vào các đề tài : Tổ quốc, bảo vệ đất nước, đấu tranh thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ...

– Nền văn học hướng về đại chúng : Xác định đại chúng nhân dân vừa là đối tượng phản ánh vừa là đối tượng phục vụ ; quan tâm đến đời sống của nhân dân lao động, tập trung xây dựng hình tượng quần chúng, diễn tả vẻ đẹp của nhân dân ; các tác phẩm văn học thường tìm đến hình thức nghệ thuật dễ hiểu, ngắn gọn.

– Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn :

+ Khuynh hướng sử thi : Phản ánh những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của dân tộc, những sự kiện lịch sử trọng đại... ; nhân vật chính thường tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận của đất nước, thể hiện và kết tinh những phẩm chất cao đẹp của cộng đồng, được khám phá chủ yếu ở nghĩa vụ, ý thức trách nhiệm công dân ; giọng điệu thường trang trọng, ngợi ca, hào hùng ...

+ Cảm hứng lãng mạn : chủ yếu thể hiện ở tinh thần lạc quan, khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới, ngợi ca vẻ đẹp của con người, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng ...

II. CÂU HỎI YÊU CẦU TÁI HIỆN KIẾN THỨC VỀ TÁC GIẢ VĂN HỌC

1. Những lưu ý về phương pháp làm bài

– Kiến thức được trình bày về tác giả văn học trong sách giáo khoa (SGK) bao gồm những hiểu biết chung nhất về tác giả ấy. Do đó, để thực hiện được yêu cầu của một câu hỏi về tác giả văn học, cần nắm được những điểm cơ bản nhất về tiểu sử, cuộc đời, quan điểm sáng tác, sự nghiệp văn học, phong cách tác giả.

+ Đối với câu hỏi về quan điểm sáng tác : Cần nêu được những nét chính thể hiện rõ quan điểm sáng tác của tác giả. Có thể minh hoạ bằng việc nêu tên tác phẩm, hoặc trích dẫn lời nhà văn trực tiếp phát biểu trong các tác phẩm của mình.

+ Đối với câu hỏi về sự nghiệp văn học của tác giả : Cần nhận định bao quát về sự nghiệp sáng tác của tác giả, sau đó trình bày được các giai đoạn sáng tác chính, các đề tài, tác phẩm tiêu biểu. Cuối cùng nên có nhận định về đóng góp của tác giả đó đối với giai đoạn, nền văn học dân tộc.

+ Đối với câu hỏi về phong cách tác giả : Cần nêu được những nét chính về phong cách – nét riêng của tác giả, thể hiện ở cả hai phương diện : Nội dung và nghệ thuật.

– Cần tập trung dành thời gian ôn tập đối với các tác giả sau đây :

+ Lớp 11 : Tác giả Nam Cao.

+ Lớp 12 : Tác giả Hồ Chí Minh, tác giả Tố Hữu.

2. Gợi ý trả lời câu hỏi yêu cầu tái hiện kiến thức về tác giả văn học

2.1. Dạng câu hỏi về quan điểm sáng tác của tác giả

Ví dụ 1

Anh / chị hãy nêu những nét chính trong quan điểm nghệ thuật của nhà văn Nam Cao ở giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám.

(Trích đề thi tuyển sinh đại học khối D năm 2008)

Gợi ý trả lời

– Nam Cao từ bỏ quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật”, tìm đến con đường “nghệ thuật vị nhân sinh”, phê phán thứ nghệ thuật xa rời thực tế, đòi hỏi nghệ thuật phải bám sát cuộc đời (*Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than*).

– Nhà văn chân chính phải có đôi mắt của tình thương, tác phẩm thực sự giá trị phải có nội dung nhân đạo (*ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình..., làm cho người gần người hơn*).

– Đòi hỏi cao sự tìm tòi sáng tạo, không chấp nhận sự rập khuôn dễ dãi (*văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi... và sáng tạo những gì chưa có*).

– Người cầm bút phải có lương tâm ; viết cầu thả chẳng những là “bất lương” mà còn là “đê tiện”.

(Trích đáp án đề thi tuyển sinh đại học khối D năm 2008)

Ví dụ 2

Trình bày ngắn gọn quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời

– Hồ Chí Minh xem văn nghệ là một vũ khí chiến đấu lợi hại phục vụ cho sự nghiệp cách mạng : nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận. Điều này thể hiện rất rõ trong bài *Cảm tưởng đọc “Thiên gia thi”* (Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp/ Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông/ Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong) ; về sau, Người viết trong *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951* : “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

– Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Người nhắc nhở : Nhà văn phải miêu tả cho hay, cho chân thật hiện thực phong phú của đời sống ; phát huy cốt cách dân tộc, đề cao sự sáng tạo, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

– Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. Người luôn tự đặt câu hỏi “Viết cho ai ?” (đối tượng) ; “Viết để làm gì ?” (mục đích) ; sau đó mới quyết định “Viết cái gì ?” (nội dung) và “Viết như thế nào ?” (hình thức). Vì thế, những tác phẩm của Người vừa có nội dung sâu sắc, thiết thực vừa có hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng.

2.2. Dạng câu hỏi về sự nghiệp sáng tác của tác giả

Ví dụ 1

Trình bày ngắn gọn sự nghiệp sáng tác của nhà văn Nam Cao.

Gợi ý trả lời

Nam Cao là nhà văn có sự nghiệp sáng tác phong phú và đồ sộ.

– Trước Cách mạng tháng Tám, sáng tác của Nam Cao tập trung vào hai đề tài chính : người trí thức tiểu tư sản nghèo và người nông dân nghèo.

+ Ở đề tài về người trí thức nghèo (tiêu biểu : *Trăng sáng, Đời thừa, Sống mòn, Quên điếu độ ...*), nhà văn đặc biệt đi sâu vào miêu tả cuộc sống nghèo khổ với những bi kịch tinh thần dai dẳng, trầm lắng của những trí thức có ý thức sâu sắc về nhân phẩm, có hoài bão to lớn nhưng bị gánh nặng của áo cơm “ghì sát đất”. Qua đó phê phán sâu sắc xã hội phi nhân đạo bóp nghẹt sự sống, tàn phá tâm hồn con người.

+ Ở đề tài về người nông dân nghèo (tiêu biểu : *Lão Hạc, Chí Phèo, Tư cách mõ, Trẻ con không được ăn thịt chó ...*), Nam Cao thường quan tâm đến số phận của những con người có số phận hẩm hiu, bị ức hiếp, ông dứt khoát bên vực quyền sống và nhân phẩm của họ. Ông không chỉ miêu tả cuộc sống cùng cực mà còn thể hiện cảm động bản chất tốt đẹp của họ. Viết về những người nông dân bị lưu manh hoá, nhà văn đã kết án xã hội tàn phá cả thể xác và linh hồn của người nông dân lao động ; phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của họ, khi họ đã mất cả tính người.

– Sau Cách mạng tháng Tám, Nam Cao nhiệt tình tham gia phục vụ kháng chiến. *Đôi mắt* là một thành công xuất sắc của văn nghệ những năm đầu kháng chiến, khẳng định một lối sống tích cực, dứt khoát từ bỏ con người cũ của lớp nhà văn đi theo kháng chiến. Nhật kí *Ở rừng* (1948) được viết trong thời kì nhà văn công tác ở vùng sâu Bắc Cạn và tập kí sự *Chuyện biên giới* đều là những sáng tác có giá trị của nền văn xuôi còn non trẻ lúc bấy giờ.

Ví dụ 2

Anh/ chị hãy trình bày ngắn gọn về hai tập thơ “Từ ấy” và “Việt Bắc” của Tố Hữu.

(Trích đề thi tuyển sinh đại học khối C năm 2008)

Gợi ý trả lời

– Tập Từ ấy

+ *Từ ấy* là tập thơ đầu tay của Tố Hữu được sáng tác trong khoảng thời gian từ 1937 đến 1946 tương ứng với chặng đường cách mạng từ phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám và Toàn quốc kháng chiến. Tập thơ gồm ba phần : *Máu lửa, Xiềng xích, Giải phóng*. Qua ba phần ấy, cảm hứng thơ Tố Hữu vận động từ niềm hân hoan của tâm hồn trẻ nhiều băn khoăn về lẽ sống bỗng được gặp ánh sáng lí tưởng ; rồi qua bao gian lao, thử thách, từng bước trưởng thành trên con đường đấu tranh cách mạng ; đến niềm vui bất tuyệt, ngây ngất trước cuộc đổi đời vĩ đại của dân tộc.

+ Nổi bật lên ở tập *Từ ấy* là chất lãng mạn trong trẻo của một hồn thơ trẻ say men lí tưởng ; nhạy cảm với cảnh đời, tình đời ; một cái tôi trữ tình mới, trong đó ý thức cá nhân đang từng bước hoà mình với đoàn thể, nhân quần ; một giọng điệu thiết tha, sôi nổi, nồng nhiệt.

– Tập *Việt Bắc*

+ *Việt Bắc* là chặng đường thứ hai của thơ Tố Hữu, được sáng tác trong khoảng thời gian từ 1947 đến 1954. Tập thơ là bản hùng ca phản ánh những chặng đường gian lao, anh dũng và những bước đi lên của cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến ngày thắng lợi. Tập thơ hướng vào thể hiện con người quần chúng kháng chiến, trước hết là công, nông, binh ; kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam mà bao trùm là tình yêu nước.

+ Ở *Việt Bắc*, thơ Tố Hữu bay bổng và rộng mở trong cảm hứng sử thi – trữ tình mang hào khí thời đại ; hình thức thơ giàu tính dân tộc và đại chúng.

(Trích đáp án đề thi tuyển sinh đại học khối C năm 2008)

Ví dụ 3

Hãy kể tên, nêu thời gian sáng tác các tập thơ chính của Tố Hữu. Giới thiệu ngắn gọn tập thơ đầu tay của ông.

Gợi ý trả lời

– Kể tên, nêu thời gian sáng tác các tập thơ chính của Tố Hữu :

+ *Từ ấy* (1937 – 1946)

+ *Việt Bắc* (1946 – 1954)

+ *Gió lộng* (1955 – 1961)

+ *Ra trận* (1962 – 1971)

+ *Máu và hoa* (1972 – 1977)

– Giới thiệu ngắn gọn tập thơ đầu tay của Tố Hữu :

+ *Từ ấy* là tập thơ đầu tay của Tố Hữu được sáng tác trong khoảng thời gian từ 1937 đến 1946 tương ứng với chặng đường cách mạng từ phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám và Toàn quốc kháng chiến. Tập thơ gồm ba phần : *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*. Qua ba phần ấy, cảm hứng thơ Tố Hữu vận động từ niềm hân hoan của tâm hồn trẻ nhiều băn khoăn về lẽ sống bỗng được gặp ánh sáng lí tưởng ; rồi qua bao gian lao, thử thách, từng bước trưởng thành trên con đường đấu tranh cách mạng ; đến niềm vui bất tuyệt, ngây ngất trước cuộc đổi đời vĩ đại của dân tộc.

+ Nổi bật trong tập *Từ ấy* là chất lãng mạn trong trẻo của một hồn thơ trẻ say men lí tưởng ; nhạy cảm với cảnh đời, tình đời ; một cái tôi trữ tình mới, trong đó ý thức cá nhân đang từng bước hoà mình với đoàn thể, nhân quần ; một giọng điệu thiết tha, sôi nổi, nồng nhiệt.

Ví dụ 4

Trình bày ngắn gọn về những chặng đường thơ của Tố Hữu.

Gợi ý trả lời

Bài làm của thí sinh cần nêu được những ý chính sau về các chặng đường thơ Tố Hữu :

– Tập thơ *Từ ấy* (1937 – 1946) là chặng đường đầu tiên của đời thơ Tố Hữu, đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên yêu nước quyết tâm đi theo lí tưởng của Đảng. Tập thơ gồm ba phần : *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*.

– Tập thơ *Việt Bắc* (1946 – 1954) là tiếng ca hùng tráng, thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và những con người kháng chiến.

– Tập thơ *Gió lộng* (1955 – 1961) dạt dào bao nguồn cảm hứng lớn lao : hướng về quá khứ để thấm thía những nỗi đau của cha ông, công lao của những thế hệ đi trước, ghi sâu ân tình của cách mạng ; niềm vui lớn trước những đổi thay của cuộc sống mới ; nỗi đau chia cắt đất nước ; niềm tin không gì lay chuyển được vào ngày mai thắng lợi, thống nhất non sông.

– Hai tập thơ *Ra trận* (1962 – 1971), *Máu và hoa* (1972 – 1977) âm vang khí thế quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và niềm vui toàn thắng.

– *Một tiếng đờn* (1992) ; *Ta với ta* (1999) là hai tập thơ đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu với những chiêm nghiệm mang tính phổ quát về cuộc đời và con người.

(Trích *Cấu trúc đề thi môn Ngữ văn* – Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2010)

2.3. Dạng câu hỏi về phong cách tác giả

Ví dụ 1

Anh/ chị hãy giới thiệu ngắn gọn về phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.

Gợi ý trả lời

Văn chương Hồ Chí Minh kết hợp sâu sắc mà nhuần nhị mối quan hệ giữa chính trị và văn học ; tư tưởng và nghệ thuật ; truyền thống và hiện đại. Ở mỗi thể loại, Người đều có phong cách riêng, độc đáo mà hấp dẫn và có giá trị bền vững,

– Văn chính luận : Bộc lộ tư duy sắc sảo, giàu tri thức văn hoá, giàu tính luận chiến, gắn lí luận với thực tiễn, đa dạng về bút pháp, giọng văn.